

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/6/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.
2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoàng Q, sinh năm 1994. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp N, xã TY, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Trí, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp N, xã TY, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị

Hoàng Q trình bày: Chị Q và anh Nguyễn Minh T chung sống với nhau, được UBND xã TY, thị xã H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/8/2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Về sau, anh T thường đi nhậu say về quậy vợ con, không có trách nhiệm lo lắng, chăm sóc cho vợ con. Từ đó, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống không thể tự giải quyết, dẫn đến chị Q không còn tình cảm và không muốn tiếp tục chung sống với anh T. Hiện nay, chị và anh T đã sống ly thân và không hỏi han qua lại, không chăm sóc lẫn nhau. Nay chị Q yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Q và anh T có với nhau 01 đứa con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 23/5/2013, giới tính nam, hiện nay đang do chị Q chăm sóc. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q trình bày giữa chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh T không đến Tòa và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan yêu cầu khởi kiện bao gồm: Một bản trích lục kết hôn giữa chị Q và anh T (bản sao); Một giấy khai sinh của con chung tên Nguyễn Gia B (bản sao) và các giấy tờ về nhân thân của chị Q (bản phô tô chứng thực).

Tại phiên tòa, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; lập hồ sơ, thu thập chứng cứ đầy

đủ; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Hoàng Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh T và yêu cầu được quyền nuôi con chung. Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Minh T có nơi cư trú tại ấp N, xã TY, thị xã H, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào bản trích lục kết hôn số 24/TLKH-BS ngày 15/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã TY và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định giữa chị Nguyễn Thị Hoàng Q và anh Nguyễn Minh T có quan hệ

hôn nhân, được UBND xã TY, thị xã H, tỉnh Kiên Giang cho đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2012 (số 57/2012), nên đây là hôn nhân hợp pháp, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Q với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy chị Q trình bày cuộc sống vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng là do anh T thường xuyên nhậu say sau đó về quậy vợ con. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T không lo chăm sóc hoặc quan tâm đến vợ con. Dần dần, tình cảm vợ chồng rạn nứt dẫn đến không thể tiếp tục chung sống với nhau. Qua xác minh tại địa phương của chị Q và anh T sinh sống thì địa phương không rõ việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh, chị. Qua tham khảo ý kiến của ông Nguyễn Ngọc V (cha ruột chị Q), bà Lê Tuyết A (mẹ ruột anh T) cũng không rõ được sự mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Q và anh T cụ thể như thế nào (Bút lục 24, 33). Anh T đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa và thể hiện ý kiến. Bà Lê Tuyết A cũng cho biết anh T có biết việc chị Q đang khởi kiện yêu cầu ly hôn, thời gian Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh T không đến Tòa giải quyết. Điều này chứng tỏ anh T không có mong muốn hàn gắn, đoàn tụ với chị Q. Xét thấy giữa chị Q và anh T không còn tồn tại nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không còn chung sống với nhau; hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Q là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 19 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Q được ly hôn anh T.

[5] Về con chung: Chị Q và anh T có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 23/5/2013, giới tính nam, hiện nay đang do chị Q chăm sóc. Chị Q yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy anh T không có ý kiến về việc nuôi con chung, cháu B hiện nay do chị Q chăm sóc nên cần tiếp tục giao cháu B cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận việc chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị Q cùng các thành viên gia đình

không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Q trình bày giữa chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung. Chị Q và anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoàng Q được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 23/5/2013, giới tính nam cho chị Nguyễn Thị Hoàng Q trực tiếp nuôi. Ghi nhận việc chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Q và anh T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoàng Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004442 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang, chị Q không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tx. H;
- Chi cục THADDs Tx. H;
- UBND xã TY, HT-KG;
- Những người TGT,
- Lưu: HSA.

Tạ Chí Dũng